

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM THỦY
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12 /2018/HNGD-ST

Ngày: 15/10/2018

V/v: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM THỦY, TỈNH THANH HÓA**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Văn Nga

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà: Triệu Thị Tình

2. Ông: Đặng Thái Dìn

Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Lan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa:

Bà: Bùi Thị Bích – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự, thụ lý số 82/2018/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 05 năm 2018 về “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con ”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2018/QĐXX-ST, ngày 18 tháng 09 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Th - Sinh năm 1988

Địa chỉ: khu 3 xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương.

- *Bị đơn:* Anh Bùi Văn T - Sinh năm 1986

Nơi ĐKKHKT: Thôn 2, xã Cẩm B, huyện H, Thanh Hoá. Hiện nay đang chấp hành án tại đội 13, phân tại số 1, Trại giam H, huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh

Bị đơn xin xử vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn ly hôn và bản tự khai ngày 21 tháng 05 năm 2018 cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th trình bày: Chị và anh T lấy nhau và đăng ký kết hôn vào ngày 27/04/2007, tại UBND xã Cẩm Bình huyện H, tỉnh Thanh Hóa, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Cưới nhau xong vợ chồng về chung sống với bố mẹ anh T được một thời gian ngắn thì về Hải Dương thuê nhà làm ăn, đến năm 2008 chị sinh con, cuộc sống vợ chồng hòa

thuận hạnh phúc. Đến cuối năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân, do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nhiều lần chửi bới nhau, đến năm 2013 anh T phạm tội cướp tài sản tại huyện Q, tỉnh Bắc Ninh. Bị Tòa án xét xử 6 năm tù, hiện nay đang chấp hành án tại trại giam H, huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con cái: Vợ chồng có một con chung, cháu Bùi Thị Thủy A, sinh ngày 28/04/2008. Nay ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng cháu Thủy A đến tuổi trưởng thành, không đề nghị anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ: Không có.

Bị đơn anh Bùi Văn T tại bản tự khai ngày 10/09/2018 trình bày: Anh và chị Th lấy nhau và đăng ký kết hôn năm 2007 tại UBND xã Cẩm bình, huyện H, tỉnh Thanh Hóa sau khi cưới cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2013 anh phạm tội Cướp tài sản, bị xử phạt 6 năm tù, hiện nay đang chấp hành án tại trại giam H, huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh và từ đó vợ chồng không quan tâm đến nhau nữa, tình cảm cũng không còn. Nay chị Th làm đơn ly hôn anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 1 con, cháu Bùi Thị Thủy A, sinh ngày 28/04/2008. Nay ly hôn hiện tại cháu đang ở với ông bà Nội nên để cháu tiếp tục ở với ông bà.

Về tài sản và công nợ chung: Không có.

Đại diện VKSND huyện H tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các bên đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung, đề nghị hội đồng xét xử: Căn cứ vào hồ sơ vụ án và các tài liệu chứng cứ thu thập đã được. Viện kiểm sát nhân dân huyện H nhận thấy vợ chồng chị Th, anh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cẩm B, huyện H, hôn nhân tự nguyện, vợ chồng đã có 6 năm chung sống và có một con chung. Vì vậy, là hôn nhân hợp pháp. Nay hai bên thống nhất ly hôn. Về con chung ghi nhận chị Th và anh T có một con, Chị Th đề nghị giao con cho chị nuôi dưỡng, không đề nghị anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét yêu cầu của chị Th là phù hợp nên chấp nhận, vì hiện nay anh T đang chấp hành án không có điều kiện nuôi dưỡng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ kiện “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con” là loại tranh chấp quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng Dân sự; anh Bùi Văn T vắng mặt vì hiện nay đang chấp hành án phạt tù, Bị đơn, anh Bùi Văn T có Hộ khẩu và nơi cư trú tại xã Cẩm B, huyện H nên Tòa án nhân dân huyện H thụ lý đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Th là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 và 39 Bộ luật tố tụng Dân; anh T hiện nay đang chấp hành án tại trại giam H, huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh, anh đề nghị xử vắng mặt anh tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại quy định tại khoản 1 Điều 228 - BLTTDS.

[2] Về hôn nhân: Giữa chị Th Và anh T là tự nguyện tìm hiểu yêu Th và sống chung với nhau. Anh chị có đăng ký kết hôn vào ngày 27/04/2007 tại Ủy ban nhân xã Cẩm B, hai bên đã có 6 năm chung sống với nhau từ năm 2007 và đã có một con chung, cuối năm 2008 thì pháp sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, sau đó năm 2013 anh T phạm tội Cướp tài sản bị xử phạt 6 năm tù, hiện nay đang chấp hành án từ đó tình cảm vợ chồng lại thêm rạn nứt. Như vậy, mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Anh T nhất trí ly hôn theo nguyện vọng xin ly hôn của chị Th. Xét đây là sự tự nguyện của hai bên đương sự. Căn cứ vào Điều 55 luật hôn nhân gia đình ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Th và anh T.

[3]Về con chung: Hai bên thống nhất có một con chung chưa thành niên, nguyện vọng của cháu Bùi Thị Thủy A có nguyện vọng ở với chị Th sau khi bố mẹ ly hôn. Chị Th đề nghị được nuôi con, không đề nghị anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung, anh T đề nghị giao con cho ông bà Nội (bố mẹ anh T) nuôi dưỡng. Xét đề nghị của anh T là không có cơ sở, vì chị Th có đầy đủ năng lực hành vi, sức khỏe và đủ điều kiện về kinh tế để nuôi con nên chấp nhận đề nghị của chị Th.

[4] Về tài sản chung: Vợ chồng thống nhất không có nên miễn xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 55; 58; Điều 81,82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 27, điểm a, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 - Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Điểm a, khoản 1 Điều 24, điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH khóa 14, ngày 30/12/2016, quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa Chị Nguyễn Thị Th và anh Bùi Văn T.

Về con chung, Xử: Giao cho chị Nguyễn Thị Th tục tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Thị Thủy A, sinh ngày 28/04/2008 đến tuổi trưởng thành, anh T không phải

cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T sau khi chấp hành xong bản án có quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cấm.

Về tài sản, công nợ chung: Không có.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải nộp 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0003668, ngày 17/05/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Th có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Bùi Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt, hoặc niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các bên đương sự;
- VKSND huyện C;
- TAND tỉnh Thanh hoá;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã Cẩm B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đã ký

Vũ Văn Nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Triệu Thị Tình

Vũ Văn Nga

Đặng Thái Dìn

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Nơi nhận:

- Các bên đương sự;
- VKSND huyện Cẩm thuỷ;
- TAND tỉnh Thanh hoá;
- Chi cục THADS huyện Cẩm thuỷ;
- UBND xã Cẩm Lương
- Lưu hồ sơ vụ án.

Vũ Văn Nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Thị Khanh

Vũ Văn Nga

Trần Thị Thúy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Quách Văn Muộn

Vũ Văn Nga

Phạm Đức Thi

